

Mẫu CBTT/SGDHCM - 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP
VICASA - VNSTEEL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /CV-HĐQT-VCA

Biên Hòa, ngày 02 tháng 03 năm 2023

V/v: CBTT Báo cáo thường niên
năm 2022.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thép VICASA – VNSTEEL**
2. Mã chứng khoán: **VCA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông Nguyễn Thanh Hùng; Chức vụ: Kế toán trưởng; Điện thoại: 0918.655855
6. Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
7. Nội dung thông tin công bố: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.**
8. Địa chỉ Website đăng tải nội dung thông tin công bố: <http://www.thepbienhoa.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT Cty.

Người được ủy quyền CBTT



Nguyễn Thanh Hùng

Số: 04/BC-HĐQT-VCA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
NĂM 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com; www.thepbienhoa.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

* Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

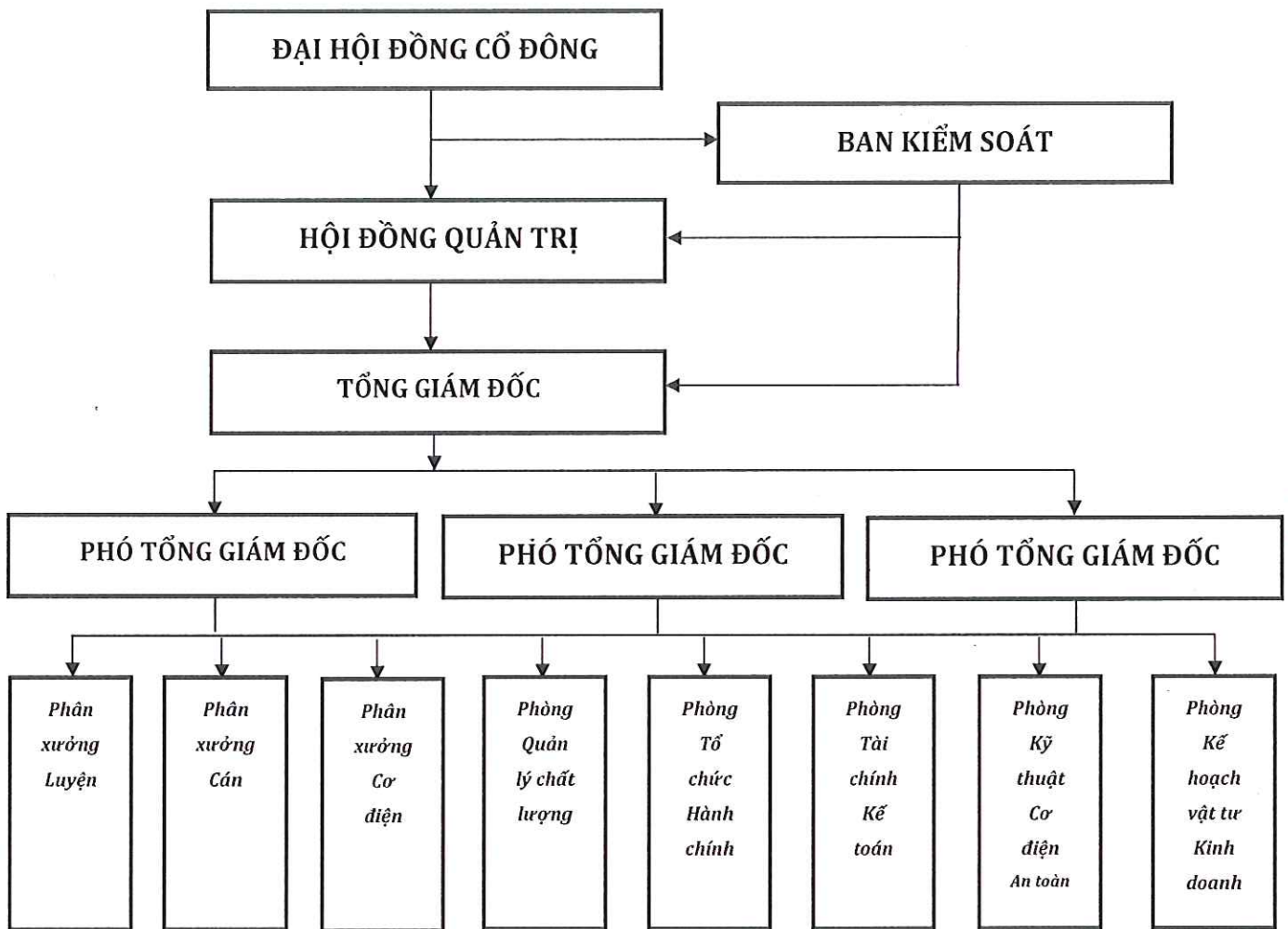
* Quyết định số 891/QĐ-SGDHCM ngày 30/12/2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM về việc: Chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty cổ phần thép VICASA – VNSTEEL tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán
+ Sản phẩm phiê thép
- **Địa bàn kinh doanh:** + Thành phố Hồ Chí Minh
+ Bà Rịa - Vũng Tàu
+ Nha Trang
+ Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:** Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:
 - + Đại hội đồng Cổ đông;
 - + Hội đồng Quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng Giám đốc;
 - + Các phòng Chuyên môn;

+ Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

1. Ông Nguyễn Xuân Sơn Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: Số 05/NQ-HĐQT-VCA ngày 12/04/2022.
2. Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Bảo Giang Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Ông Nguyễn Phước Hải Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Nguyễn Bạch Đường Thành viên BKS
3. Ông Hồ Duy Khải Thành viên BKS.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó Tổng Giám đốc:

096
ÔNG
Ó PH
TH
SA-V
HÒA

- + Ông Huỳnh Công Du Tổng giám Đốc
- + Ông Vương Thanh Đường Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Ngô Tiến Thọ Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Hoàng Đức Hoa Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- + Phòng Tổ chức Hành chính: Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng
 - + Phòng Tài chính Kế toán Ông Nguyễn Thanh Hùng: Trưởng phòng
 - + Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh Ông Hoàng Đức Hoa: Trưởng phòng
 - + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng
 - + Phòng Quản lý Chất lượng Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng
 - + Phân xưởng Luyện Ông Nguyễn Tiến Cường: Quyền Quản đốc
 - + Phân xưởng Cán Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc
 - + Phân xưởng Cơ điện Ông Phạm Xuân Phong: Quản đốc.
- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2022** (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022) như sau:

- + Kế hoạch sản xuất:
 - Sản lượng phôi thép: 180.000 tấn.
 - Sản lượng thép cán: 165.000 tấn.
- + Doanh thu: 2.774 tỷ đồng.
- + Kế hoạch tiêu thụ:
 - Tiêu thụ thép cán: 165.000 tấn.
- + Lợi nhuận trước thuế: 20.700 triệu đồng.
- + Cổ tức: 7%

– Công tác an toàn vệ sinh môi trường:

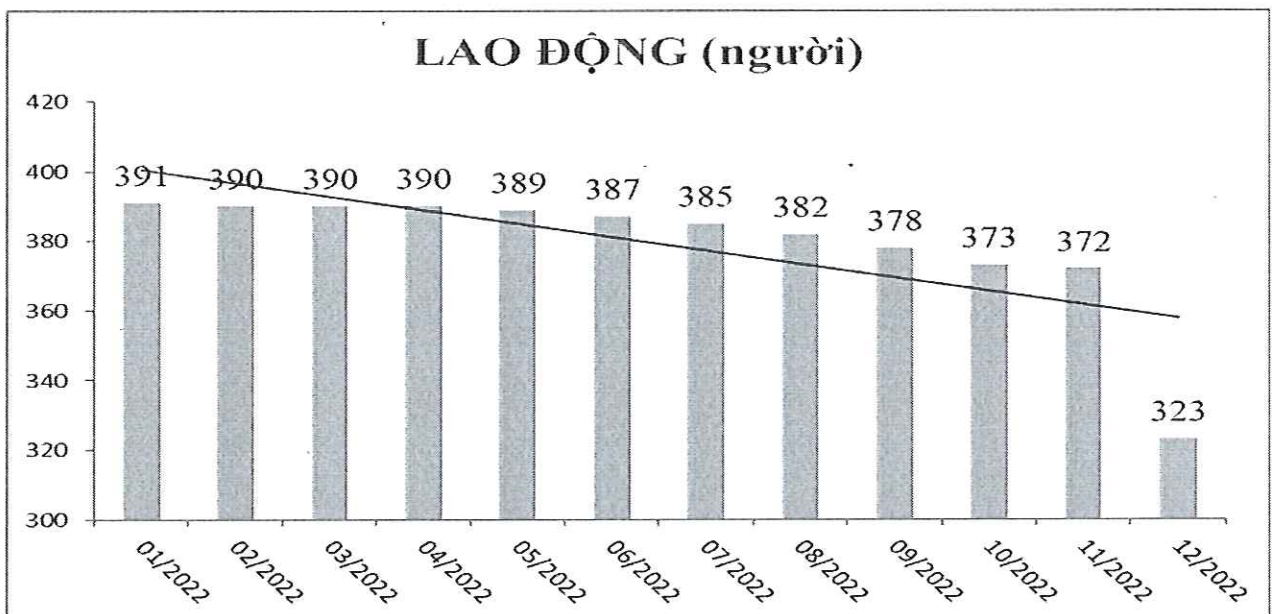
- + Lập chương trình triển khai cụ thể trong tháng an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức họp với các cán bộ phụ trách an toàn của các ca, tổ, đơn vị để tập trung phân tích các rủi ro lớn, nguy cơ cao dẫn đến mất an toàn và phân tích những tai nạn trong quá khứ để tìm ra các giải pháp ngăn chặn có hiệu quả.
- + Tiếp tục triển khai đọc an toàn đầu giờ tại các đơn vị.
- + Rà soát bổ sung thêm quy định an toàn sử dụng hệ thống khí Gas.
- + Tổ chức tự kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường trong Công ty.



- + Rà soát và bảo trì các thiết bị điện để đảm bảo an toàn như: Tủ điện, phòng vận hành... Đo tiếp địa, chống sét, kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đợt 1 năm 2022.
- + Vét máng xối, cống thoát nước và thay tôn nhà xưởng, lắp bổ sung thêm bơm phòng chống lụt trong mùa mưa bão.
- + Đã hoàn thành huấn luyện định kỳ về an toàn 07 lớp cho các nhóm;
- + Hoàn tất việc đo môi trường vi khí hậu định kỳ năm 2022 của Bộ Công thương.
- + Tổ chức họp phân tích nguyên nhân và có biện pháp phòng ngừa đối với sự cố nổ xỉ ngoài bãi;
- + Kiểm tra giám sát việc xử lý nút dầm đỡ ray cầu trục gian nhà xưởng 30 tấn của PX. Luyện thép.
- + Cung cấp thông tin xây dựng phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho phòng Cảnh sát PCCC&CHCN công an TP. Biên Hòa.
- + Phối hợp cùng Trung tâm kiểm định Công nghiệp I tổ chức kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- + Tổ chức dọn mặt bằng khu chứa chất thải rắn công nghiệp. Chuyển giao các chất thải rắn, chất thải nguy hại cho các đơn vị thu gom xử lý.

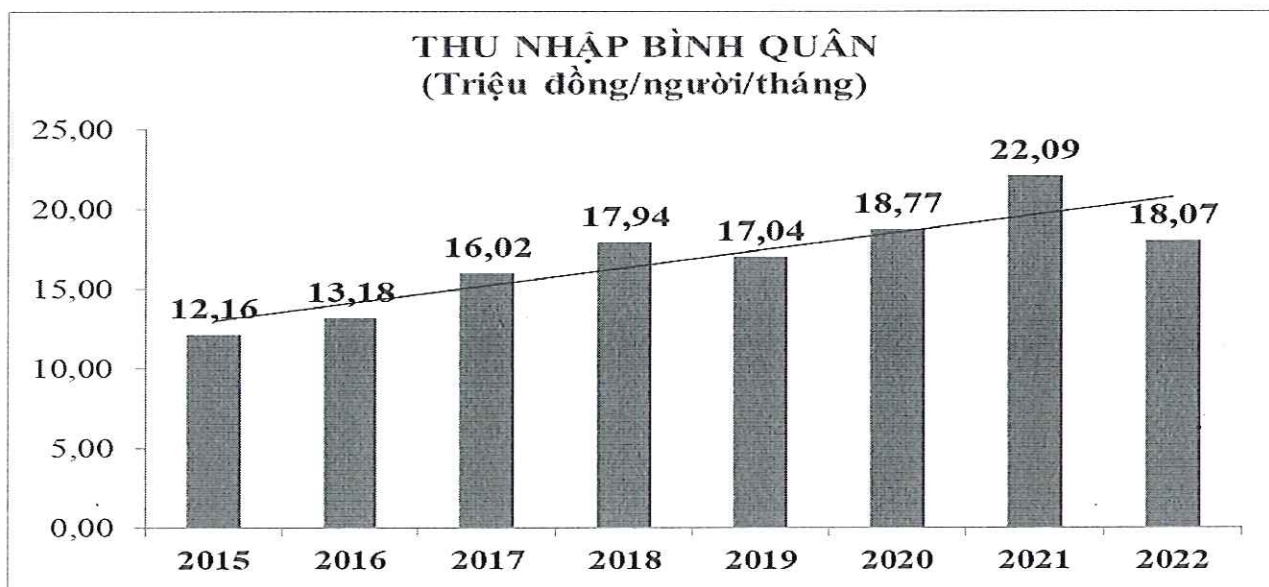
Công tác tổ chức lao động, tiền lương:

- Số lao động hiện tại: 323 người. Lao động bình quân trong năm: 379 người/tháng.
- + Số lao động giảm so với đầu năm là: 74 lao động.
- + Số lao động được tuyển dụng trong năm: 04 người.



- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026; xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026-2031.
- Lập phương án sắp xếp lại lao động khi sản lượng bị sụt giảm và chế độ chính sách giải quyết đối với số lao động không phù hợp (49 người).
- Điều động: 02 người. Bổ nhiệm: 02 người.

- Thực hiện tính toán và chi trả lương hàng tháng đầy đủ đúng hạn cho CBCNV.
- Mức thu nhập bình quân năm 2022 là: 18,07 triệu đồng/người/tháng.



– Công tác Tài chính – Kế toán:

Các khoản phải thu:

Số dư các khoản phải thu đến ngày 31/12/2022 là: 97,24 tỷ. Bao gồm:

- + Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 96,05 tỷ đồng (*Trong đó, phải thu của Công ty Thép Miền Nam là: 70,70 tỷ đồng; Phải thu của Cty CP Thép Nhà Bè: 25,06 tỷ đồng*)
- + Trả trước cho người bán ngắn hạn: 1,09 tỷ đồng.
- + Phải thu ngắn hạn khác (Thuế TNCN, tạm ứng, ký quỹ): 0,110 tỷ đồng.
- + Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 30 triệu đồng (DNTN Mười Thanh).

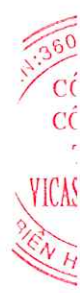
Công tác tài chính khác

- + Lập các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị nội bộ và theo yêu cầu của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng khác.
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- + Tổ chức cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ đoàn Kiểm tra quyết toán thuế từ năm 2018 đến năm 2021.

– Công tác kỹ thuật và công nghệ:

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện một số công tác kỹ thuật như sau:

- + Hoàn thiện quy trình, quy định, các hướng dẫn công việc và kiểm tra giám sát triển khai thực hiện trong công nghệ luyện thép, cán thép.
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát hàng ngày hoạt động các thiết bị, để có giải pháp kịp thời, không để sự cố hư hỏng thiết bị đột xuất ảnh hưởng đến sản xuất.
- + Duy trì công tác bảo trì, sửa chữa thiết bị và công tác sáng kiến đảm bảo thiết bị công nghệ hoạt động ổn định, hiệu quả.



+ Thực hiện tốt việc kiểm soát vật tư phụ tùng trong sản xuất: Chất lượng hàng hóa, tồn kho, sử dụng chống lãng phí...

+ Duy trì sản xuất ngưng cao điểm để giảm chi phí điện sản xuất; hướng dẫn sản xuất - sử dụng Oxy để giảm tối đa sử dụng Oxy lỏng mua ngoài.

+ Phát huy năng lực máy cắt bầm liệu để tăng tỷ lệ liệu bầm, làm tốt công tác phối liệu nạp lò.

+ Xây dựng quy trình sản xuất luyện với phế liệu quy cách lớn, dày, tỷ trọng đồng cao. Bảo dưỡng thay nóng rót thép giảm gas sấy thùng.

+ Hoàn thành phương án thùng trung gian đúc liên tục dùng bột đằm thay thế tấm lót nguội.

+ Duy trì các giải pháp khắc phục ô vàng bề mặt sản phẩm thép và nâng cao tuổi thọ trục cán; các giải pháp giảm tiêu hao điện, giảm tỷ lệ thép ngắn trong sản xuất cán.

+ Tăng cường kiểm soát chất lượng các nguyên liệu đầu vào như than, vôi Fero, các thông số, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất...

+ Thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị bộ điều khiển máy nén Oxy, hệ thống thủy lực lò, vòng bi quay nắp lò EBT, thiết bị máy đúc liên tục, cụm máy cán thô; hệ thống điện, khí nén, cung cấp nước cho PX. Luyện, PX. Cán thép; sửa chữa các cầu trục...

+ Đánh giá tình trạng thiết bị chính trong Công ty lập kế hoạch bảo trì, sửa chữa. Xây dựng các quy trình vận hành, sửa chữa máy biến thế nguồn các loại trong Công ty. Quy hoạch các nguồn điện, các biến thế nguồn phân bổ tài hợp lý, nâng năng suất huy động điện, tăng tuổi thọ thiết bị, tăng thiết bị dự phòng...

+ Kết quả các thông số sản xuất, tiêu hao nguyên liệu vật liệu trong năm đều đạt mức tốt, đặc biệt là chi phí điện năng đã giúp giảm chi phí trong sản xuất.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Các yếu tố rủi ro hiện nay tác động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty bao gồm:

- Cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina đã kéo dài và hiện tại chưa kết thúc.
- Nhu cầu đối với mặt hàng thép trên thế giới suy yếu, thị trường xuất khẩu không thuận lợi do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nhu cầu tiêu thụ trong nước sụt giảm, các dự án đầu tư bất động sản gặp nhiều khó khăn.
- Chính sách tài chính tiền tệ như thắt chặt tín dụng, lãi suất vay vẫn ở mức cao,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của ngành thép.
- Tuy nhiên, hiện nay giá thép và nguyên vật liệu thô ổn định hơn, có thể giúp ổn định và mang lại hiệu quả trong SXKD cho các công ty thép trong năm 2023. Chính sách của chính phủ về việc tăng vốn đầu tư công có thể giúp bù đắp 1 phần nhu cầu thép giảm từ kênh dân dụng. Bên cạnh đó, nhu cầu thép của thị trường Trung Quốc năm 2023 đã bắt đầu phục hồi nhẹ, do việc mở cửa trở lại sau chính sách Zero Covid.

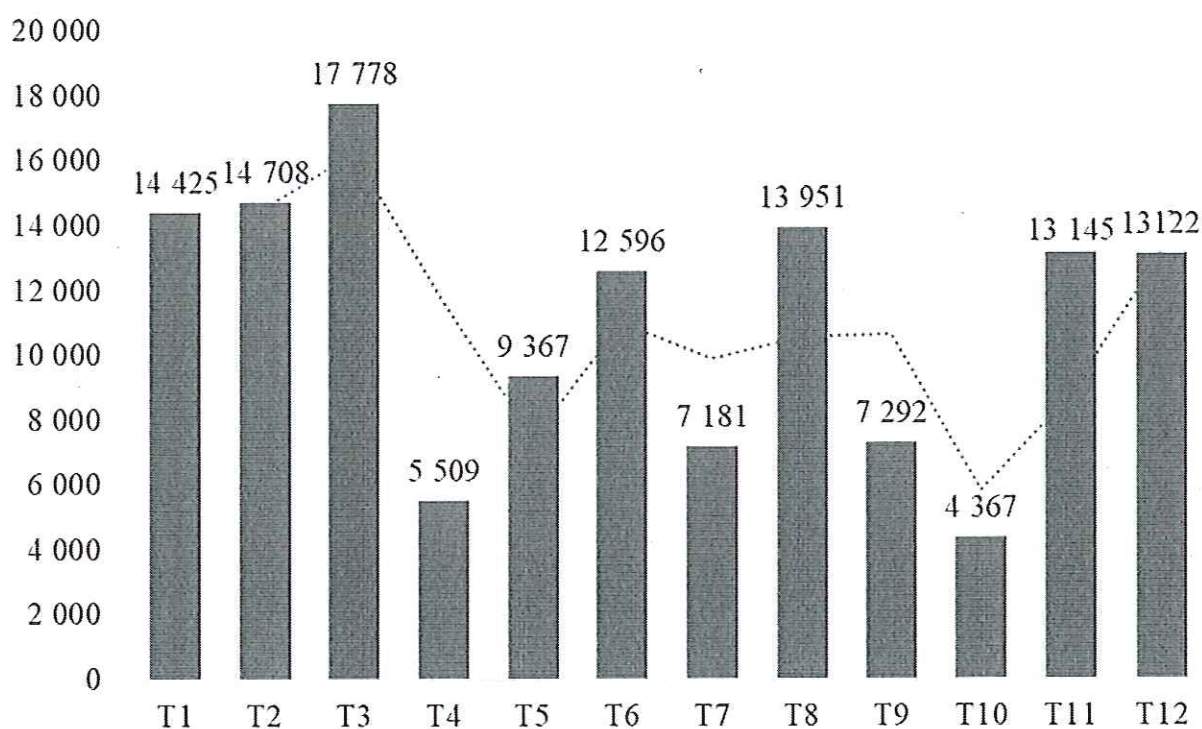
II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2022

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Năm 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % so với năm trước	Tỷ lệ % so với kế hoạch 2022
I	Sản xuất:						
1	- Phôi thép	Tấn	184.100	180.000	143.988	78,21%	79,98%
2	- Thép cán	Tấn	159.743	165.000	129.237	80,90%	78,33%
II	Tiêu thụ sản phẩm chính:						
1	- Phôi thép	Tấn	19.088	10.000	12.708	66,58%	127,08%
2	- Thép cán	Tấn	152.520	165.000	133.440	87,49%	80,87%
III	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.613, 330	2.774,148	2.335,209	89,46%	84,28%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,510	20,700	(4,997)	(109,80%)	(24,14%)

**SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CÁC THÁNG NĂM 2022
(tấn)**



Về thực hiện so với kế hoạch năm 2022 (TH/KH):

- + Sản lượng SX phôi thép đạt 79,98% (143.988 tấn / 180.000 tấn).
- + Sản lượng SX thép cán đạt 78,33% (129.237 tấn / 165.000 tấn).
- + Sản lượng tiêu thụ phôi thép đạt 127,08% (12.708 tấn / 10.000 tấn).

+ Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 80,87% (133.440 tấn / 165.000 tấn).

Về thực hiện so với cùng kỳ (năm 2022/2021):

+ Sản lượng SX phôi thép năm 2022 so với cùng kỳ giảm 21,79%.

+ Sản lượng SX thép cán năm 2022 so với cùng kỳ giảm 19,10%.

+ Sản lượng tiêu thụ phôi thép năm 2022 so với cùng kỳ giảm 33,42%.

+ Sản lượng tiêu thụ thép cán năm 2022 so với cùng kỳ giảm 12,51%.

Công tác tiêu thụ thực hiện theo Quy định quản lý giám sát hoạt động và tiêu thụ sản phẩm thép /V/ của Tổng Công ty. Qua đó đã có gắn kết và đồng bộ nhất định giữa các Công ty cổ phần và Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL trong việc lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như trong việc xây dựng giá bán thép.

- Hàng tồn kho (Tính đến ngày 31/12/2022)

Stt	Tên hàng hóa, NVL	Tồn kho 31/12/2022		GT tồn kho 31/12/2021 (Trđồng)	Tăng (+), giảm (-)	Tỉ lệ
		Số lượng (Tấn)	Giá trị (Trđồng)			
A	B	1	2	3	4=2-3	5=4/3
1	Phôi thép	406	5.143	26.374	-21.231	-80,50%
2	Thép cán	4.859	68.271	140.132	-71.861	-51,28%
3	Nguyên liệu chính		75.241	137.216	-61.975	-45,17%
	<i>Phế liệu, Gang</i>	<i>8.899</i>	<i>75.241</i>	<i>137.216</i>	<i>-61.975</i>	<i>-45,17%</i>
4	Vật liệu phụ		24.946	35.984	-11.038	-30,67%
5	Nhiên liệu		13.099	6.891	6.208	90,09%
6	Phụ tùng		8.929	6.746	2.183	32,36%
7	Công cụ dụng cụ		98	211	-113	-53,55%
	Tổng cộng		195.727	353.554	-157.827	-44,64%

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Huỳnh Công Du: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim; Cử nhân kinh tế Quản trị kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu; cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu).

2.2 Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 0 cổ phiếu).

2.3 Ông Ngô Tiến Thọ: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim đen.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu phổ thông.

2.4 Ông Hoàng Đức Hoa: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh; Kỹ sư cơ khí chế tạo máy.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu phổ thông.

2.5 Ông Nguyễn Thanh Hùng: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.958 cổ phiếu phổ thông (Trong đó: cá nhân sở hữu 1.958 cổ phiếu).

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Ngày 10/03/2022 Miễn nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc: Ông Nguyễn Đông Vững
(Đảm nhận chức danh: Thành viên HĐQT chuyên trách).

+ Ngày 10/03/2022 Bổ nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc: Ông Hoàng Đức Hoa.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2022 là: 323 người.

- **Chính sách đối với người lao động:** Mặc dù sản lượng bị sụt giảm nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì các chế độ phúc lợi cho Người lao động, điển hình như sau:

+ Giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách có liên quan đến Người lao động nghỉ việc: 74 người. Hỗ trợ thêm cho 48 lao động không phù hợp xin nghỉ việc sau khi Công ty tổ chức sắp xếp lại lao động, tổng số tiền hỗ trợ thêm (ngoài trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Lao động) là 815 triệu đồng.

+ Mua bảo hiểm sức khỏe của Công ty Bảo Việt cho toàn bộ CBCNV, trong đó công nhân được mua bảo hiểm sức khỏe mức 3.324.953 đồng/người/năm. Mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV mức: 336.000 đồng/người/năm.

+ Khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp với chất lượng dịch vụ cao hơn năm trước. Nam: 3,303 triệu đồng/người (năm 2021: 2,3 triệu đồng/người), nữ: 3,51 triệu đồng/người (năm 2021: 2,5 triệu đồng/người). Trong đó bổ sung nội dung khám hậu Covid-19 như: Đông máu toàn bộ, Ion đồ (Na, Ca, Cl, K), Anti Sar Covid/kiểm tra kháng thể Covid, Ferritin/Kiểm tra nồng độ sắt, đo chức năng hô hấp.

+ Thực hiện chế độ đồng phục cho Người lao động: 4,63 triệu đồng/người (may mỗi người 02 áo đồng phục và phát 3.000.000 đồng/người tiền để tự trang bị quần, giày,...).

+ Thực hiện chế độ nghỉ mát cho Người lao động với mức là 8.000.000 đồng/người.

3. Tình hình đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

Căn cứ theo quyết định của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty đã triển khai các hạng mục sau:

DVT: Triệu đồng

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Tổng CP phát sinh (Chưa VAT)	Giá trị quyết toán (Bao gồm VAT)	Tăng TSCĐ
A	B	1	2	3	4
1	Hệ thống điều khiển điện cực lò luyện thép (Chuyển tiếp từ năm 2019)	-	3.882	4.258	-
2	Động cơ DC 350Kw, hộp giảm tốc-truyền lực và hệ thống điều khiển đi kèm máy cán K16-K17	4.950	3.942	4.286	3.942
3	Động cơ DC 500Kw (dự phòng K1-K8/9)	2.200	1.397	1.498	1.397
4	Hệ thống quan trắc khí thải tự động	2.000	-	-	-
5	Di dời, cải tạo nâng cấp xưởng luyện cán thép	-	576	-	-
6	Máy biến áp tự ngẫu 3P-1200KVA	-	242	266	242
7	Máy lạnh tủ đứng Daikin - 5HP	-	76	8	76
8	Máy bơm nước ly tâm	-	449	485	449
	Tổng cộng	9.150	10.563	10.800	6.105

Tình hình thực hiện các dự án:

- Hệ thống điều khiển điện cực lò luyện thép: Chuyển tiếp từ năm 2019. Đã hoàn tất nghiệm thu và đưa vào sử dụng (Phân bổ dài hạn từ tháng 11/2022).

- Thay động cơ DC 350KW, hộp giảm tốc - truyền lực và hệ thống điều khiển đi kèm cho máy cán K16-K17: Đã hoàn tất lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Động cơ 500KW-DC (Dự phòng K1÷K8/9): Đã hoàn tất lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động: Không thực hiện, tiếp tục gia hạn với Sở tài nguyên Môi trường.

- Máy biến áp; Máy lạnh tủ đứng; Máy bơm nước đã nghiệm thu và tăng TSCĐ.

- Việc di dời Công ty: Công ty tiếp tục cập nhật thông tin từ UBND tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý KCN và xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Thép.

a. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

DVT : Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK / ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	TỔNG TÀI SẢN	371.443	578.976	(207.533)	-35,84%
I	Tài sản ngắn hạn	314.184	515.725	(201.541)	-39,08%

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.155	20.763	(1.608)	-7,74%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
3	Các khoản phải thu	97.350	123.234	(25.884)	-21,00%
4	Hàng tồn kho	195.727	353.554	(157.827)	-44,64%
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.952	18.174	(16.222)	-89,26%
II	Tài sản dài hạn	57.259	63.251	(5.992)	-9,47%
1	Phải thu dài hạn	-	-	-	-
2	Tài sản cố định hữu hình	42.232	51.385	(9.153)	-17,81%
3	Tài sản dở dang dài hạn	576	4.194	(3.618)	-86,27%
4	Tài sản dài hạn khác	14.451	7.672	6.779	88,36%
B	<u>TÔNG NGUỒN VỐN</u>	<u>371.443</u>	<u>578.976</u>	<u>(207.533)</u>	<u>-35,84%</u>
I	Nợ phải trả	186.540	338.496	(151.956)	-44,89%
1	Nợ ngắn hạn	186.540	338.496	(151.956)	-44,89%
2	Nợ dài hạn	-	-	-	-
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	184.903	240.481	(55.578)	-23,11%
1	Vốn chủ sở hữu	184.903	240.481	(55.578)	-23,11%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-

b. Chỉ số tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ số	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	15,42%	10,92%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	84,58%	89,08%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50,22%	58,46%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49,78%	41,54%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,64	0,48
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,68	1,52
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	-0,25%	1,39%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	-1,59%	6,28%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-3,19%	15,13%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	-388	2.125

Nhận xét:

- Tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng, tương ứng với tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản giảm, chủ yếu do giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm.
- Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn giảm, tương ứng với tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng, chủ yếu do khoản vay ngắn hạn Ngân hàng giảm.
- Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành tăng chủ yếu do khoản nợ ngắn hạn phải thanh toán giảm.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 âm do công ty lỗ.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (Danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 20/06/2022):

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông. Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 5.315.447 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 9.871.875 cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông trong nước: 14.125.435 CP Tỷ lệ: 93,00%**
 - *Cổ đông Nhà nước: 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,00%*
 - *Cổ đông tổ chức: 1.155.329 CP Tỷ lệ: 7,60%*
 - *Cổ đông cá nhân: 3.098.231 CP Tỷ lệ: 20,40%*
- **Cổ đông nước ngoài: 1.061.887 CP Tỷ lệ: 7,00%**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động đến môi trường:

- Thực hiện tốt công tác quản lý môi trường Công ty đã được UBND Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước. Tổ chức chuyên giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.
- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.
- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.



- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Đặc điểm tình hình: Năm 2022 có thể nói là năm khó khăn nhất đối với ngành thép trong nhiều năm gần đây.

- Thị trường thép thế giới: Từ quý II/2022 thị trường chuyển biến xấu rất nhanh: Nhu cầu thị trường xuống rất thấp, giá thành phẩm liên tục giảm sâu. Nguyên nhân chủ yếu do: Cuộc xung đột Nga – Ukraina, lãi suất liên tục tăng để kiềm chế lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia, chính sách Zero Covid của Trung Quốc... Sau thời gian dài với diễn biến rất xấu thì đến nay đã có rất nhiều nhà máy tại Châu Âu, Trung Quốc... phải dừng sản xuất.

- Thị trường trong nước: Cũng như thị trường thế giới, ở trong nước tình hình cũng rất xấu, giá thành phẩm đạt đỉnh vào đầu tháng 4/2022 và sau đó liên tục giảm sâu với 15 kỳ giảm giá liên tiếp. Thị trường bất động sản gần như đóng băng do chính sách thắt chặt tín dụng bất động sản, kiềm chế lạm phát... các Công ty không tiêu thụ được, hàng tồn kho với giá nguyên liệu rất cao đã mua trước đó làm cho kết quả kinh doanh thua lỗ lớn.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022: Lợi nhuận sau thuế TNDN lỗ (5,899) tỷ đồng.

2. **Tình hình tài chính:**

2.1. **Tình hình tài sản**

- Tài sản tính đến cuối năm 2022 giảm 207,533 tỷ đồng (giảm 35,84%). Tài sản ngắn hạn giảm 201,541 tỷ đồng (giảm 39,08%); Tài sản dài hạn giảm 5,992 tỷ đồng (giảm 9,47%).

- So với cùng kỳ, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng lên, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản giảm đi. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị hàng tồn kho giảm và phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm.

- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 157,827 tỷ đồng (giảm 44,64%), chủ yếu do giảm tồn kho thép cán thành phẩm, phôi thép, thép phế liệu. Riêng nhiên liệu tăng do dự trữ than điện cực.

2.2. **Tình hình nợ phải trả**

- Nợ phải trả cuối năm 2022 là 186,540 tỷ đồng: Giảm so với đầu kỳ là 151,956 tỷ đồng (giảm 44,89%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2022 giảm so với đầu năm (giảm 90,000 tỷ đồng).

- Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Khoản đóng góp ngân sách năm 2022: Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 14,213 tỷ đồng. Trong đó: Thuế GTGT = 8,346 tỷ đồng; Thuế TNDN = 2,807 tỷ đồng; Thuế TNCN = 2,516 tỷ đồng;

3. **Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:**

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.

- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị, quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và lượng phế liệu tồn kho ngày 31/12/2022 là 8.899 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- + Sản xuất Phôi thép: 130.000 Tấn
- + Sản xuất và tiêu thụ Thép cán: 125.000 Tấn
- + Doanh thu: 1.783 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 12 tỷ đồng

- Việc di dời Công ty: Công ty tiếp tục cập nhật thông tin từ UBND tỉnh Đồng Nai, Ban quản lý KCN và xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý môi trường như: Chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định. Công ty đã triển khai trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường. Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng để định kỳ xử lý.
- Định kỳ Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động. Các chính sách về lương, thưởng chi trả cho người lao động theo đúng quy định và thỏa ước lao động được ký. Thực hiện đầy đủ và đúng quy định về việc trích nộp BHXH cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hàng năm cho người lao động.
- Công ty tham gia đóng góp đầy đủ các hoạt động do địa phương phát động như: Chăm lo tết cho người có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ trẻ em nghèo hiếu học, ủng hộ hội người mù, hỗ trợ thăm hỏi gia đình chính sách người có công tại địa phương...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.
- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Năm 2022 có thể nói là năm khó khăn nhất đối với ngành thép trong nhiều năm gần đây. Nhu cầu thị trường xuống rất thấp, giá thành phẩm liên tục giảm sâu, lãi suất liên tục tăng cao... đến nay đã có rất nhiều nhà máy tại Châu Âu, Trung Quốc đã phải dừng sản xuất. Thị trường trong nước cũng rất xấu, giá thành phẩm từ tháng 5/2022 liên tục giảm sâu. Thị trường bất động sản gần như đóng băng do thắt chặt tín dụng bất động sản, kìm chế lạm phát... các Công ty không tiêu thụ được, hàng tồn kho với giá cao... Do vậy kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 đã đề ra.

2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, HĐQT Công ty có kế hoạch đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật và cập nhật kế hoạch đầu tư di dời KCN, để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc theo đúng định hướng phát triển Công ty để mang lại hiệu quả cao nhất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Sơn)	3.796.875	25 %	Chủ tịch HĐQT
2	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Huỳnh Công Du)	2.278.125	15 %	TV HĐQT, TGD
3	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thoan)	2.278.125	15 %	TV HĐQT
4	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	TV HĐQT
5	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	TV HĐQT

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT Bỏ nhiệm tại ĐHĐCĐ 2022 (12/04/2022)	3	3/3
2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT	4	4/4
3	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	4	4/4

4	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT	4	4/4
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	4	4/4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/NQ-HĐQT-VCA	25/01/2022	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý I/2022.	100%
2	03/NQ-HĐQT-VCA	23/02/2022	Nghị quyết vv Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022.	100%
3	05/NQ-HĐQT-VCA	12/04/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Thép Vicasa – Vnsteel.	100%
4	06/NQ-HĐQT-VCA	20/04/2022	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý II/2022.	100%
5	07/NQ-HĐQT-VCA	06/06/2022	Nghị quyết HĐQT về ngày ĐKCC THQ chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021.	100%
6	08/NQ-HĐQT-VCA	29/06/2022	Nghị quyết HĐQT vv Ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ Công ty CP Thép Vicasa - Vnsteel.	100%
7	09/NQ-HĐQT-VCA	06/07/2022	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý III/2022.	100%
8	10/NQ-HĐQT-VCA	07/10/2022	Nghị quyết HĐQT về Kế hoạch SXKD Quý IV/2022.	100%
9	01/QĐ-HĐQT-VCA	10/01/2022	Phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn và phụ tùng thay thế năm 2022.	100%
10	01a/QĐ-HĐQT-VCA	10/01/2022	Ban hành Chi tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2022.	100%
11	04/QĐ-HĐQT-VCA	25/01/2022	Bán hàng tín chấp cho tập đoàn Chipmong-Campuchia.	100%
12	05/QĐ-HĐQT-VCA	10/03/2022	Quyết định miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Đông Vững.	100%
13	06/QĐ-HĐQT-VCA	10/03/2022	Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc: Ông Hoàng Đức Hoa.	100%
14	10/QĐ-HĐQT-VCA	20/04/2022	Phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.	100%
15	12/QĐ-HĐQT-VCA	21/07/2022	Quyết định vv Giá bán sản phẩm thép cuộn kéo dây	100%

16	13/QĐ-HĐQT-VCA	21/07/2022	Quyết định vv liên quan đến các giao dịch tín dụng tại NH BIDV CN TP.HCM	100%
17	15/QĐ-HĐQT-VCA	28/11/2022	Quyết định bán 1.000 tấn phôi CB 300V cho Công ty CP Thép Nhà Bè	100%

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị có 04 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Danh sách như sau:

+ Ông Nguyễn Xuân Sơn Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/04/2022)

+ Ông Nguyễn Văn Thoan Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Đông Vững Thành viên HĐQT

(Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Ông Nguyễn Đông Vững 10/03/2022)

+ Ông Nguyễn Bảo Giang Thành viên HĐQT

- Hội đồng quản trị có 01 thành viên điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ Ông Huỳnh Công Du Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc

d) Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2022 sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Phước Hải	0	0,0000%	Trưởng Ban
2	Hồ Duy Khải	337	0,0022%	Ủy viên
3	Nguyễn Bạch Đường	1.462	0,0096%	Ủy viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tham gia 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp BKS để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2022 bao gồm:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022 liên quan đến việc thực hiện kế hoạch từng quý, năm 2022.

- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm 2022.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính từng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2022 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

e) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thu nhập, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2022	Thù lao	Tổng cộng
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 20/12/2021: Nghi hưu)	70.000.000	0	70.000.000
2	Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/04/2022)	258.200.000	12.000.000	270.200.000
3	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT, TGD	844.013.000	0	844.013.000
4	Nguyễn Văn Thoan	Thành viên HĐQT	41.000.000	48.000.000	89.000.000
5	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	603.494.000	0	603.494.000
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	31.000.000	48.000.000	79.000.000
6	Trương Thị Kim Anh	Phụ trách Quản trị công ty, TK HĐQT	400.811.571	32.000.000	432.811.571
7	Vương Thanh Đường	Phó Tổng giám đốc	698.641.000	0	698.641.000
8	Ngô Tiến Thọ	Phó Tổng giám đốc	641.266.391	0	641.266.391
9	Hoàng Đức Hoa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/03/2022)	513.164.112	0	513.164.112
10	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	511.401.000	0	511.401.000
11	Lê Trọng Dung	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	5.000.000	0	5.000.000
12	Hồ Duy Khải	Thành viên ban kiểm soát	387.342.750	32.000.000	419.342.750
13	Nguyễn Bạch Đường	Thành viên ban kiểm soát	384.184.013	32.000.000	416.184.013
14	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	617.979.324	0	617.979.324
	Tổng cộng		6.007.497.161	204.000.000	6.211.497.161

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về việc Công bố thông tin, xây dựng điều lệ và quy chế quản trị công ty theo quy định. Công ty đã cập nhật những thay đổi để thực hiện điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản trị theo đúng quy định đối với Công ty niêm yết.

VI. Báo cáo Tài chính năm 2022:

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Kiểm toán viên: **Phạm Văn Sang** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3864-2020-002-1) đã ký.

Giám đốc: **Trần Trung Hiếu** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2202-2023-002-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2022:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022:

(Đơn vị tính : Việt Nam Đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314.184.150.075	515.725.242.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	19.154.703.046	20.763.229.800
1. Tiền	111		19.154.703.046	20.763.229.800
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		
III. Các khoản phải thu	130		97.350.090.046	123.233.907.317
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	96.180.999.458	117.812.597.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	1.089.045.788	3.588.826.683
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	110.044.800	1.867.483.320
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(30.000.000)	-(35.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	195.726.952.348	353.554.108.694
1. Hàng tồn kho	141		195.726.952.348	353.554.108.694
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.952.404.635	18.173.996.684
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	1.952.404.635	3.491.861.730
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.17		14.682.134.954
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.259.088.583	63.250.937.474
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		42.232.113.946	51.384.658.987
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	42.232.113.946	51.384.658.987
- Nguyên giá	222		397.611.981.887	394.355.488.347
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(355.379.867.941)	(342.970.829.360)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		575.983.500	4.193.917.005
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	575.983.500	4.193.917.005

V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.450.991.137	7.672.361.482
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	14.450.991.137	7.672.361.482
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		371.443.238.658	578.976.179.969

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		186.540.019.917	338.495.626.407
I. Nợ ngắn hạn	310		186.540.019.917	338.495.626.407
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	3.087.143.611	48.435.469.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			1.821.957.938
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	6.881.982.580	2.150.487.405
4. Phải trả người lao động	314		17.030.926.472	21.778.722.610
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	4.560.715.534	5.037.290.502
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.978.943.343	1.863.002.155
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	152.333.122.748	242.333.296.142
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23		15.075.400.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		667.185.629	
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.903.218.741	240.480.553.562
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	184.903.218.741	240.480.553.562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.410.891.639)	53.166.443.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.488.812.182	16.782.789.562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.899.703.821)	36.383.653.620
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		371.443.238.658	578.976.179.969

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2022	NĂM 2021
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.337.977.763.437	2.623.096.461.293

2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	2.768.679.093	9.766.622.988
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		2.659.675.516	9.766.622.988
2.2	- Hàng bán bị trả lại	05		-	-
2.3	- Giảm giá hàng bán	06		109.003.577	-
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.335.209.084.344	2.613.329.838.305
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	2.301.906.838.653	2.515.957.151.011
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		33.302.245.691	97.372.687.294
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.020.238.705	466.232.498
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	13.385.435.145	7.222.808.513
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.174.593.796	6.821.121.838
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	17.844.481.441	14.892.926.276
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	7.487.521.907	30.150.616.881
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(4.394.954.097)	45.572.568.122
12	Thu nhập khác	31	VII.6	114.381.000	37.572.904
13	Chi phí khác	32	VII.7	696.212.229	100.000.001
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(581.831.229)	(62.427.097)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.976.785.326)	45.510.141.025
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	922.918.495	9.126.487.405
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.899.703.821)	36.383.653.620
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(388)	2.125
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được đăng tải trên Website www.vicasasteel.com và địa chỉ www.thepbienhoa.com.vn

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2022 của: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL; Mã chứng khoán: VCA**

Trân trọng.

Biên Hòa, Ngày 02 tháng 03 năm 2023

**Thay mặt Ban điều hành Công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK HCM;
- Lưu HĐQT.



Huỳnh Công Du

